

Bản án số: 53/2023/HS-PT
Ngày: 24-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình
Các Thẩm phán: Ông Lê Việt Phong
Ông Bùi Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chí Thọ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Thư ký dự khuyết: Ông Hồ Phương Tình, bà Đặng Thị Ái Vi, bà Hoàng Minh Thư, bà Nguyễn Thị Tường Vi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Điều C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo kháng cáo: **Điều C**, sinh năm 1995 tại Bình Phước; HKTT: Thôn Phu M 3, xã Long H, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: S' tiêng; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Điều N, sinh năm 1957 và bà Thị Y, sinh năm 1960; Vợ là bà Hoàng Thị L, sinh năm 2003 và có 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, "có mặt tại phiên tòa".

- Người bị hại: Điều T, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn Phu M 3, xã Long H, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp cho người bị hại Điều T (đã chết) gồm:

1. Chị Thị N, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn 6, xã Long T, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước;

2. Ông Điều N, sinh năm: 1957 và bà Thị Y, sinh năm: 1960; Cùng địa chỉ: Thôn Phu M 3, xã Long H, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00, ngày 18/8/2022, Điều C chưa có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Winner, biển số: 93P2 – 173.44 trên đường liên thôn hướng từ xã Phú R đi xã Long T, huyện Phú R. Khi đến đoạn đường thuộc thôn 6, xã Long T thì xe mô tô của C bị lắc nên C nghĩ bánh xe bị thủng xăm nên vừa điều khiển xe mô tô và nhìn xuống phía dưới bánh xe mô tô nhưng không phát hiện gì. C tiếp tục điều khiển xe và nhìn lên phía trước thì thấy xe mô tô, biển số: 93P2 – 032.40 do Điều T (là anh ruột của C), điều khiển chở vợ là Thị Ngao đang dừng sát bên đường phía bên trái và xe mô tô, biển số: 93P2 – 749.44 do Thị Q (Thị O), điều khiển đang dừng phía trước xe mô tô của Điều T và dừng bên phải đường, dừng cùng chiều phía trước theo chiều đi của Điều C, khi cách xe mô tô của Điều C khoảng 10m, C đạp thắng xe nhưng xe mô tô do C điều khiển vẫn lao về phía trước làm bánh xe phía trước va chạm vào phần đuôi xe mô tô của Điều T làm Điều T, Thị N và Điều C cùng 2 xe mô tô ngã xuống đường, quá trình va chạm thì xe mô tô của Điều C tiếp tục bị trượt lao về phía trước thì va chạm với xe mô tô của Thị Q làm Thị Q và xe mô tô ngã xuống đường. Sau khi va chạm, Điều C và Điều T đều bị thương và được mọi người chở đi cấp cứu. Do Điều T bị thương nặng nên được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy, đến ngày 19/8/2022 thì Điều T tử vong.

- **Vật chứng thu giữ của vụ án:** 01 xe mô tô 93P2 – 173.44 và 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 032.40

- Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Là đoạn đường nhựa hai chiều phương tiện lưu thông qua lại, không có dải phân cách, không có vạch sơn kẻ đường. Mặt đường nhựa rộng 3,8m, phía trước hiện trường hướng đi thôn 5, xã Long T có đoạn đường cong và biển báo có đoạn đường cong phía trước bên lề đường đất cách mép đường nhựa phía bên phải cùng hướng 0,9m.

- *Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:*

Số 1 là xe mô tô biển số đăng ký: 93P2 – 032.40; Số 2 là vết cà đứt quãng; Số 3 là vết máu; Số 4 là xe mô tô biển số đăng ký: 93P2 – 17344.

Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn:

+ Chọn cột điện số: 18 ở phần đường lề đất phía bên phải đường nhựa hướng từ đường ĐT741 đi hướng thôn 5, xã Long T là điểm mốc.

+ Lấy mép đường nhựa phía bên phải theo hướng từ đường ĐT741 đi hướng thôn 5, xã Long T làm mép đường chuẩn.

- Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

+ Vị trí số 1 nằm nghiêng về bên phải ở phần đường nhựa đầu quay về hướng đi thôn 5, xã Long T, đuôi quay về hướng đi ĐT 741. Trục bánh xe sau số

1 đo vào mép đường chuẩn là 3,2m; trục bánh xe trước số 1 đo vào mép đường chuẩn là 3,3m, đo đến trục bánh xe sau số 4 là 1,9m.

+ Vị trí số 2 kích thước dài 0,5m, rộng 0,01m, có chiều hướng từ đường ĐT 741 đi thôn 6, xã Long T, ở phần đường nhựa, điểm đầu đo vào mép đường chuẩn là 1,7m, điểm cuối đo vào mép đường chuẩn là 2m, đo đến tâm số 3 là 0,5m.

+ Vị trí số 3 kích thước dài 0,3m, rộng 0,3m ở phần đường nhựa, tâm số 3 đo vào mép đường chuẩn là 2,2 m, đo đến trục bánh xe sau số 4 là 1,2m.

+ Số 4 nằm ngả nghiêng về bên phải đầu quay về hướng đi thôn 5 xã Long T, đuôi quay về hướng đi ĐT 741 ở trên đường nhựa. Trục bánh xe sau số 4 đo vào mép đường chuẩn là 1,6m; trục bánh xe trước số 4 đo vào mép đường chuẩn là 1,9m, đo đến điểm mốc là 6,6m.

+ Điểm mốc đo vào mép đường chuẩn là 3,8m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

- Dấu vết trên phương tiện của xe Mô tô, BSKS: 93P2 – 032.40

+ Đầu mũi về chần bùn phía trước xe bên phải có vết trượt mòn nhựa kích thước dài 10cm, rộng 3cm;

+ Đầu tay cầm phía bên phải xe có vết trượt mòn kim loại kích thước rộng 1cm, dài 1cm;

+ Đầu tay phanh phía bên phải xe có vết trượt mòn kim loại kích thước dài 1cm, rộng 1cm;

+ Mặt ngoài kính đèn chiếu sáng phía trước xe có vết trượt mòn nhựa kích thước dài 5cm, rộng 4cm.

+ Hệ thống kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống lái, phanh, đèn, còi, lốp có tác dụng.

- Dấu vết trên phương tiện của xe mô tô, BSKS: 93P2 – 173.44.

+ Đầu tay cầm bên phải xe có vết trượt mòn kim loại kích thước dài 2, rộng 2cm;

+ Đầu tay phanh phía bên phải xe có vết trượt mòn kim loại kích thước dài 1cm, rộng 1cm;

+ Ốp nhựa chắn gió bên phải xe có vết trượt mòn nhựa chiều hướng từ trước ra sau kích thước dài 10cm, rộng 4cm;

+ Đầu gác để chân trước bên phải xe có vết trượt mòn kim loại chiều hướng từ trước ra sau, kích thước dài 3cm, rộng 3cm;

+ Ốp nhựa bảo vệ ống xả khí và đầu ốc kim loại phía trước ống xả khí có vết trượt mòn nhựa kim loại kích thước dài 5cm, rộng 5cm;

+ Cản kim loại phía sau xe phía bên phải có vết trượt mòn kim loại chiều hướng từ trước ra sau kích thước dài 7cm, rộng 3cm;

+ Ống nhựa ống xả khí phía sau có vết trượt mòn nhựa chiều hướng từ trước ra sau, kích thước dài 7cm, rộng 2cm.

Hệ thống kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống lái, phanh, còi, lốp có tác dụng.

- ***Kết luận giám định pháp y về tử thi :***

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 284/KL(PY)KTHS, ngày 19/9/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận :

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết mổ sọ não; Vỡ xương sọ; Xuất huyết nội sọ; Giập não.

2. Nguyên nhân chết: Điều T, sinh năm: 1992, bị chấn thương sọ não gây vỡ xương sọ, xuất huyết nội sọ, dập não hôn mê sâu không hồi phục dẫn đến tử vong.

3. Kết luận khác: Không.

- Kết luận giám định nồng độ cồn trong máu:

Ngay sau khi tai nạn xảy ra Công an huyện Phú R đo Nồng độ cồn của Điều C là 0.449 mg/L.

Tại bản kết luận giám định số 106/KL(E) – KTHS ngày 31/8/2022, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Mẫu máu của Điều T đựng trong 01 ống nhựa được niêm phong gửi giám định không tìm thấy thành phần Ethanol, Methanol.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước quyết định:

Tuyên bố bị cáo Điều C phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Điều C 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/4/2023, bị cáo Điều C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữa nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Điều C được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Điều C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Do đó, đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 15 giờ 00, ngày 18/8/2022, bị cáo Điều C mặc dù đã sử dụng rượu bia vượt quá quy định và chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển xe mô tô, loại Winner, biển số: 93P2 – 173.44 có dung tích xylanh 149cm³ lưu thông trên đoạn đường liên thôn thuộc 6, xã Long T, huyện Phú R, do không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và không đi đúng phần đường quy định dẫn đến xe của bị cáo C điều khiển đã va chạm vào đuôi xe mô tô 93P2 – 032.40 do anh Điều T chở chị Thị Ngao đang dừng bên lề đường trái phía trước cùng chiều, hậu quả làm anh Điều T tử vong. Hành vi của C đã vi phạm khoản 8, 9, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định về các hành vi bị cấm và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định về quy tắc chung khi tham gia giao thông đường bộ. Đây là các nguyên nhân trực tiếp gây ra vụ tai nạn giao thông nêu trên, nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn là do lỗi của bị cáo C gây ra. Hậu quả làm chết 01 người nên có đủ yếu tố cấu thành tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” với các tình tiết định khung là “*Không có giấy phép lái xe theo quy định*” và “*Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Điều C phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Điều C thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và gia đình người bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra giữa bị cáo và bị hại là anh em ruột với nhau. Hơn nữa hiện tại, bị cáo và gia đình có hoàn cảnh rất khó khăn phải nuôi 02 con nhỏ và bố mẹ già yếu hết tuổi lao động. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người đại diện hợp pháp cho người bị hại tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo với mức 01 năm tù là có căn cứ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, bị cáo C phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và gia đình người bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo hiện nay đang trực tiếp nuôi con nhỏ và bố mẹ già yếu, không có khả năng lao động. Xét, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, bị cáo đủ điều

kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt theo hướng giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Điều C.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2023/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Điều C.

Tuyên bố bị cáo Điều C phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Áp dụng Điểm a, b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54 và Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Điều C **01 (một)** năm tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì thời gian cho hưởng án treo được tính vào thời hạn tù. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Phong

Bùi Thanh Thảo

Bùi Văn Bình